

Số /BC-SLĐTBXH

Hải Dương, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Hỗ trợ học phí cho học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông học trình độ
trung cấp, cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động
trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Dự thảo

I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

1.1 Thực trạng về lao động

- Dân số tỉnh Hải Dương năm 2023 ước là 1.956.888 người. Quy mô dân số của tỉnh đứng thứ 8/63 của cả nước và thứ 3/11 vùng Đồng bằng sông Hồng (sau Hà Nội, Hải Phòng).

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 957.514 người, đứng thứ 11/63 cả nước và thứ 3/11 vùng Đồng bằng sông Hồng.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm là 940.301 người, theo cơ cấu lao động như sau: công nghiệp xây dựng 491.777 người, tỷ lệ 52,3%; dịch vụ 295.254 người, tỷ lệ 31,4% và nông, lâm nghiệp, thủy sản 153.270 người, tỷ lệ 16,3%.

- Số lao động đang làm việc trong 8.522 doanh nghiệp đang hoạt động là 374.320 người.

- Lực lượng lao động tỉnh ngoài làm việc tại Hải Dương: là 63.420 người (tính đến hết quý 3/2023).

1.2. Thực trạng sử dụng lao động trong doanh nghiệp

Toàn tỉnh hiện có 19.349 doanh nghiệp đăng ký hoạt động kinh doanh.

Theo thống kê, năm 2023, toàn tỉnh có 8.522 doanh nghiệp đang hoạt động, sử dụng 374.320 lao động (gồm 12 doanh nghiệp nhà nước, 8.149 doanh nghiệp ngoài nhà nước và 361 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài). Trong đó:

- Trong khu công nghiệp: có 257 doanh nghiệp đang hoạt động, sử dụng 101.000 lao động. Ngoài khu công nghiệp: có 8.265 doanh nghiệp đang hoạt động, sử dụng 273.320 lao động.

- Theo địa giới hành chính: TP. Hải Dương: 3.755 doanh nghiệp, sử dụng 130.703 lao động; TP. Chí Linh: 543 doanh nghiệp, sử dụng 22.120 lao động, huyện Nam Sách: 414 doanh nghiệp, sử dụng 12.514 lao động; thị xã Kinh Môn: 783 doanh nghiệp, sử dụng 25.395 lao động; huyện Kim Thành: 463 doanh nghiệp, sử dụng 24.554 lao động, huyện Thanh Hà: 251 doanh nghiệp, sử dụng 12.535 lao động; huyện Cẩm Giàng: 770 doanh nghiệp, sử dụng 67.537 lao động; huyện Bình Giang: 412 doanh nghiệp, sử dụng 12.829 lao động, huyện Gia Lộc: 265 doanh nghiệp, sử dụng 10.973 lao động; huyện Tứ Kỳ: 438 doanh nghiệp, sử dụng 27.866 lao động; huyện Ninh Giang: 169 doanh nghiệp, sử dụng 7.586 lao động; huyện Thanh Miện: 259 doanh nghiệp, sử dụng 19.708 lao động.

Cơ cấu lao động trong các doanh nghiệp theo giới tính, tỷ trọng lao động nữ chiếm 57%; cao hơn khá nhiều tỷ trọng lao động nam chiếm 43%.

Theo trình độ chuyên môn, số người có trình độ đại học và trên đại học năm 2022 là 42.052 người, chiếm 11,2% tổng số lao động; cao đẳng: 22.970 người, chiếm 6,1%; trung cấp: 20.830 người, chiếm 5,6%; sơ cấp: 34.780 người, chiếm 9,3%; lao động phổ thông và đào tạo dưới 3 tháng: 253.688 người, chiếm 67,8%.

- Theo địa giới hành chính: TP. Hải Dương có 4.609 doanh nghiệp, TP. Chí Linh có 581 doanh nghiệp, huyện Nam Sách có 515 doanh nghiệp, thị xã Kinh Môn có 887 doanh nghiệp, huyện Kim Thành có 514 doanh nghiệp, huyện Thanh Hà có 294 doanh nghiệp, huyện Cẩm Giàng có 887 doanh nghiệp, huyện Bình Giang có 500 doanh nghiệp, huyện Gia Lộc có 332 doanh nghiệp, huyện Tứ Kỳ có 503 doanh nghiệp, huyện Ninh Giang có 228 doanh nghiệp, huyện Thanh Miện có 346 doanh nghiệp.

- Theo loại hình doanh nghiệp: 12 doanh nghiệp Nhà nước, sử dụng khoảng 6.804 lao động; 9.259 doanh nghiệp ngoài nhà nước sử dụng khoảng 159.292 lao động; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng khoảng 228.480 lao động.

- Theo trình độ lao động: tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có chứng chỉ chiếm 31% lực lượng lao động. Trong đó: lao động phổ thông và đào tạo dưới 3 tháng là 275.598 người, chiếm 69%; lao động đã qua đào tạo là 31% (*lao động có trình độ sơ cấp nghề/ chứng chỉ học nghề ngắn hạn là 36.176 người chiếm 9%; lao động có trình độ trung cấp là 20.624 người chiếm 5%; lao động có trình độ cao đẳng là 23.323 người, chiếm tỷ lệ 6%; lao động có trình độ đại học trở lên là 43.528 người, chiếm tỷ lệ 11%.*)

- Theo ngành, nghề, công việc: Ngành dệt may, da giày là 136.212 người, tỷ lệ 36%; điện tử là 38.613 người, chiếm 10%; công nghiệp chế biến là 29.130

người, chiếm 7%; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic 12.334 người, chiếm 3%...

Đánh giá chung: Lao động trên địa bàn tỉnh từng bước được nâng cao về chất lượng, tỷ lệ lao động qua đào tạo được cập chứng chỉ tăng từ 26,5% năm 2020 lên 31% năm 2023. Số lượng lao động làm việc trong các ngành dệt may, da giày, điện tử... chiếm tỷ lệ cao. Theo đánh giá của các doanh nghiệp: 68,5% người lao động đáp ứng tốt về năng lực chuyên môn; tỷ lệ lao động đáp ứng rất tốt là 8,6%, tỷ lệ lao động đáp ứng ở mức độ trung bình là 22,9%. Thái độ làm việc của người lao động được doanh nghiệp đánh giá ở mức độ tốt là 64,6%, mức độ rất tốt là 16,8%, mức độ trung bình là 18,6%.

Đến nay, tỷ lệ lao động làm việc trong các doanh nghiệp chiếm khoảng 41,4% lực lượng lao động, như vậy còn một lượng lớn lao động đang làm việc ở khu vực phi chính thức. Mặt khác, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp đa phần trong độ tuổi từ 25 đến 49 (chiếm 75,7%), số lao động trên 50 tuổi chỉ chiếm khoảng 10,7% trong khi tổng số người lao động từ 50 tuổi trở lên trong lực lượng lao động của tỉnh là 228.500 người (chiếm 24,3%).

1.3. Thực trạng công tác giáo dục nghề nghiệp

- Tỉnh Hải Dương hiện có 33 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm: 08 trường cao đẳng, 03 trường trung cấp, 09 trung tâm GDNN; 12 trung tâm GDNN - GDTX, 01 doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trong đó:

Khôi công lập có 22 cơ sở gồm: 07 trường cao đẳng, 01 trường trung cấp, 02 trung tâm GDNN, 12 trung tâm GDNN - GDTX; Khôi tư thực có 11 cơ sở gồm: 01 trường cao đẳng, 02 trường trung cấp, 07 trung tâm GDNN và 01 doanh nghiệp.

Chia theo địa giới hành chính: thành phố Hải Dương có 12 cơ sở, thành phố Chí Linh có 05 cơ sở, huyện Nam Sách có 03 cơ sở, thị xã Kinh Môn có 01 cơ sở, huyện Kim Thành có 03 cơ sở, huyện Thanh Hà có 01 cơ sở, huyện Cẩm Giàng có 02 cơ sở, huyện Bình Giang có 01 cơ sở, huyện Gia Lộc có 01 cơ sở, huyện Tứ Kỳ 01 cơ sở, huyện Ninh Giang có 01 cơ sở, huyện Thanh Miện có 01 cơ sở. Như vậy, số lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phần lớn tập trung tại thành phố Hải Dương, thành phố Chí Linh và một số huyện gần thành phố Hải Dương.

Ngành nghề tuyển sinh: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được phép tuyển sinh, đào tạo 32 nghề trình độ cao đẳng, 136 nghề trình độ trung cấp, 157 nghề trình độ sơ cấp. Trong đó, 09 trường cao đẳng, trung cấp công lập được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội lựa chọn thực hiện đầu tư các ngành, nghề trọng điểm gồm 12 nghề cấp độ quốc gia, 09 nghề cấp độ khu vực Asean và 07 nghề cấp quốc tế.

- Về quy mô tuyển sinh và đào tạo: Hiện tại các trường cao đẳng, trung cấp nghề hoạt động trên địa bàn tỉnh đáp ứng được quy mô tuyển sinh và đào tạo là 3.100 sinh viên hệ cao đẳng/năm và trên 6.300 học sinh hệ trung cấp/năm. Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023, toàn tỉnh đã tuyển mới giáo dục nghề nghiệp được 114.593 học sinh, sinh viên, trong đó trình độ cao đẳng và trung cấp đạt 15.792 học sinh, sinh viên (chiếm 13,78% tổng số đào tạo), tập trung một số nhóm ngành, nghề đào tạo như sau: nhóm ngành, nghề khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh: 240 học sinh, sinh viên; nhóm ngành, nghề kỹ thuật và công nghệ thông tin đạt 6.624 học sinh, sinh viên; nhóm ngành, nghề sản xuất, chế biến và xây dựng đạt 1.283 học sinh, sinh viên; nhóm ngành, nghề sức khỏe đạt 1.876; nhóm ngành, nghề dịch vụ, du lịch và môi trường đạt 401 học sinh, sinh viên; nhóm ngành, nghề khác đạt 5.368 học sinh, sinh viên.

- Năm 2022, các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh tuyển sinh được 5.544 học sinh, sinh viên, trình độ cao đẳng, trung cấp. Trong đó, số học sinh, sinh viên là người có địa chỉ thường trú tại tỉnh Hải Dương là 4.594 người, ngoài tỉnh là 950 người; Năm 2023, các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh tuyển sinh được 3.912 học sinh, sinh viên, trình độ cao đẳng, trung cấp. Trong đó, số học sinh, sinh viên là người có địa chỉ thường trú tại tỉnh Hải Dương khoảng 3.239 người (chiếm 82,8%), ngoài tỉnh là 673 người (chiếm 17,2%).

- Về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp: Toàn tỉnh hiện có 1.868 nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, trong đó, số nhà giáo có trình độ trên đại học là 528 người, trình độ đại học là 979 người, trình độ cao đẳng và trung cấp là 352 người và khác là 09 người. Đội ngũ nhà giáo cơ bản đạt chuẩn và trên chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã đáp ứng được theo danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu. Trường Cao đẳng nghề Hải Dương được lựa chọn đầu tư trở thành trường chất lượng cao. Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 24/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Trường Cao đẳng nghề Hải Dương được hỗ trợ đầu tư 70 tỷ đồng để cải tạo, xây dựng mới cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo.

- Về nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thường xuyên cập nhật, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng hiện đại và phù hợp với thực tiễn, trong đó có sự đổi mới về mục tiêu đào tạo, lấy người học làm trung tâm. Một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã mời các doanh nghiệp, cá nhân, người sử dụng lao động tham gia vào quá trình xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người

học, qua đó giúp học sinh, sinh viên sau khi ra trường có thể trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất của doanh nghiệp.

Đánh giá chung: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực về nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo; chất lượng đội ngũ nhà giáo được nâng cao đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động và yêu cầu của phát triển kinh tế, xã hội. Nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới chỉ đào tạo theo nguồn “cung” có sẵn, chưa đáp ứng đào tạo theo kịp “cầu” của thị trường lao động.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Ngày 07/6/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định số 1584/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”, Đề phân đấu đạt mục tiêu của đề án, cần phải đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động (*đặc biệt nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực công nghiệp, chế biến, chế tạo, các nghề phục vụ cuộc cách mạng 4.0; các ngành, nghề có nhu cầu lao động lớn trong tỉnh*).

Việc ban hành chính sách đặc thù của tỉnh về hỗ trợ học phí cho học sinh tốt nghiệp THPT tham gia học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp là thực sự cần thiết và quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp nhanh nhất, theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động trong tỉnh hiện nay và những năm tới. Đây cũng là giải pháp thực hiện có hiệu quả Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng tỉnh Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”.

II. Đánh giá tác động của chính sách

1. Các vấn đề bất cập

- Nhận thức của người dân đối với công tác giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế, đa số muốn con em học đại học, không muốn học nghề. Mặt khác, do sự thay đổi về cơ chế chính sách, các trường đại học được thành lập nhiều, điểm chuẩn đầu vào đại học thấp nên số lượng các thí sinh có nguyện vọng đi học giáo dục nghề nghiệp tại các trường cao đẳng, trung cấp thấp.

- Công tác tuyển sinh ở một số cơ sở GDNN còn nhiều khó khăn, không tuyển đủ chỉ tiêu, thậm chí có trường không tuyển được học sinh phải dừng hoạt động; một số trường trung cấp chỉ tuyển sinh được ở hệ sơ cấp.

- Cơ cấu tuyển sinh, đào tạo nghề còn bất cập, chủ yếu vẫn là trình độ sơ

cấp và dưới 3 tháng; Tỷ lệ học sinh, sinh viên học nghề ở trình độ trung cấp, cao đẳng thấp. Vậy nên, chưa đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực có kỹ năng, tay nghề cao của thị trường lao động để thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội.

- Công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THPT vào giáo dục nghề nghiệp chưa đạt hiệu quả.

- Từ Trung ương đến tỉnh chưa ban hành chính sách hỗ trợ đối với học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp học trình độ trung cấp, cao đẳng.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Dùng ngân sách nhà nước tỉnh hỗ trợ một phần học phí cho học sinh hiện đang sinh sống tại tỉnh Hải Dương, đã tốt nghiệp THPT tại các trường trong tỉnh, học nghề tại các cơ sở GDNN hoạt động trên địa bàn tỉnh từ năm học 2024-2025 đến năm học 2026-2027 nhằm thu hút học sinh tham gia học nghề, làm tốt công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THPT vào học GDNN trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng nguồn lao động, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng, tay nghề cao phục vụ các doanh nghiệp, khu công nghiệp, cũng như nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh trong tình hình mới.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Đối tượng hỗ trợ

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông tại các trường trong tỉnh tiếp tục học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng thuộc 20 ngành, nghề có nhu cầu lao động lớn và phù hợp với việc thu hút đầu tư của tỉnh Hải Dương học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

3.2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Hỗ trợ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông học trình độ trung cấp, cao đẳng đối với 20 ngành, nghề thuộc 05 nhóm ngành, nghề có nhu cầu lao động lớn và phù hợp với việc thu hút đầu tư của tỉnh Hải Dương: Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh; Kỹ thuật và Công nghệ thông tin; Sản xuất, Chế biến và Xây dựng; Sức khỏe; Dịch vụ, Du lịch và Môi trường (*Có danh mục ngành nghề học được hỗ trợ theo Phụ lục 02*).

b) Người học đủ điều kiện được hỗ trợ học phí học nghề chỉ được hưởng hỗ trợ một lần theo quy định này; người học đã được hỗ trợ học phí học nghề theo các chính sách khác của Nhà nước ở cùng cấp trình độ đào tạo thì không được hỗ trợ theo quy định này.

c) Trường hợp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thu học phí thấp hơn mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này thì căn cứ mức thu học phí của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để hỗ trợ người học.

d) Người học đăng ký học cùng một thời điểm ở hai cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc hai chương trình đào tạo trở lên thì chỉ được hỗ trợ học phí học nghề ở một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc một chương trình đào tạo.

e) Thời gian hỗ trợ học nghề là thời gian thực học của chương trình đào tạo toàn khóa, nhưng không quá 30 tháng đối với đào tạo trình độ cao đẳng và không quá 20 tháng đối với đào tạo trình độ trung cấp; thời gian hỗ trợ học phí đào tạo các nghề đặc thù tối đa không quá 30 tháng.

f) Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh mới đầu tư chuẩn bị hoạt động sản xuất kinh doanh ký cam kết sử dụng lao động tốt nghiệp THPT học trình độ trung cấp, cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đối với 20 ngành, nghề thuộc 05 nhóm ngành, nghề nêu trên.

3.3. Nội dung hỗ trợ

3.3.1. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ: Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 81/2021/NĐ-CP) và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 97/2023/NĐ-CP). Theo quy định trên thì mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên được thực hiện như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
1	Khoa học xã hội, nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh	2.656	2.720	3.200
2	Khoa học, pháp luật và toán	2.822	2.890	3.400
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	3.984	4.080	4.800
4	Sản xuất, chế biến và Xây dựng	3.818	3.910	4.600
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	2.740	2.800	3.300
6	Sức khỏe	4.648	4.760	5.600
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	3.320	3.400	4.000

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
8	An ninh, quốc phòng	3.640	3.740	4.400

3.3.2. Mức hỗ trợ

Mức chi hỗ trợ học phí cho học sinh đã tốt nghiệp THPT tại các trường trong tỉnh học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Hải Dương bằng 30% mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP. Mức hỗ trợ học phí 20 ngành, nghề (*thuộc 05 nhóm ngành, nghề*) được lựa chọn hỗ trợ của tỉnh, cụ thể:

Đơn vị tính: nghìn đồng/sinh viên/tháng

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh	797	816	960
2	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	1.195	1.224	1.440
3	Sản xuất, chế biến và Xây dựng	1.145	1.173	1.380
4	Sức khỏe	1.394	1.428	1.680
5	Dịch vụ, du lịch và môi trường	996	1.020	1.200

3.3.4. Cơ chế thực hiện hỗ trợ học phí học nghề

Ngân sách nhà nước tỉnh cấp kinh phí hỗ trợ học phí học nghề hằng năm cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thanh toán kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở GDNN hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện hỗ trợ học phí theo học kỳ vào tháng 5 và tháng 11 hằng năm.

Hằng năm, các cơ sở GDNN lập kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính để thẩm định, tổng hợp dự toán trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Đánh giá tác động của giải pháp

4.1. Tác động đối với kinh tế:

- Tích cực:

Chính sách được ban hành tạo góp phần giảm bớt gánh nặng học phí học cho học sinh và gia đình; sẽ thu hút và tạo điều kiện cho học sinh tham gia học

nghe ở trình độ trung cấp, cao đẳng, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động và phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh.

Giúp cho các cơ sở GDNN hoạt động trên địa bàn tỉnh giảm bớt khó khăn trong công tác tuyển sinh, chủ động thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và giải quyết việc làm để thu hút người học.

- Tiêu cực:

Việc ban hành các chính sách sẽ làm tăng ngân sách tỉnh chi cho việc hỗ trợ cho các đối tượng tham gia học nghề ở các cấp trình độ.

4.2. Tác động đối với xã hội:

- Tích cực:

Chính sách tạo cơ hội cho học sinh tốt nghiệp THPT được học nghề, lập nghiệp, có việc làm bền vững. Góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề và tăng năng lực cạnh tranh trong tình hình mới.

Khuyến khích được học sinh của tỉnh tham gia học trình độ cao đẳng, trung cấp đối với các ngành, nghề có nhu cầu lao động lớn, phù hợp với việc thu hút đầu tư của tỉnh Hải Dương.

Thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn, ... vào đầu tư tại tỉnh Hải Dương do có sẵn nguồn lao động đã qua đào tạo có chất lượng cao.

Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp nhanh nhất, theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động trong tình hình hiện nay và những năm tới.

- Tiêu cực: Chính sách khi ban hành có thể làm tăng khối lượng công việc đối với các bộ phận thực hiện nhiệm vụ liên quan, nhưng không làm thay đổi, không có tác động tới bộ máy quản lý Nhà nước.

4.3. Tác động đến hệ thống pháp luật hiện hành

- *Phù hợp với hệ thống pháp luật:* Chính sách được ban hành theo đúng quy định, trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đảm bảo thực hiện đúng chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác GDNN. Chính sách được ban hành sẽ tạo bước đột phá về chất lượng giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông, góp phần chuyển biến mạnh mẽ công tác phân luồng học sinh tốt nghiệp THPT, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của địa phương; đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- *Tương thích với các Điều ước quốc tế:* Nội dung chính sách không có tác động tới các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đang tham gia.

4.4. Tác động đến nguồn lực đảm bảo thi hành

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn ngân sách Nhà nước tỉnh: Nghị quyết khi ban hành ít có khả năng gây áp lực lên ngân sách địa phương do Hải Dương là tỉnh tự chủ về ngân sách nên có đủ các điều kiện về kinh tế và xã hội để đảm bảo việc thi hành chính sách này.

4.5. Tác động về bình đẳng giới: Chính sách được thực hiện sẽ không có ảnh hưởng khác biệt giữa nam và nữ để tạo ra hay duy trì bất bình đẳng giới.

4.6. Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách khi ban hành không phát sinh thủ tục hành chính mới.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Qua phân tích, đánh giá tác động của chính sách cho thấy, giải pháp lựa chọn hỗ trợ học phí cho học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông học trình độ trung cấp, cao đẳng tại các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh nêu trên là phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

III. Giám sát và đánh giá

1. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và các đại biểu HĐND tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

2. UBND tỉnh giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hỗ trợ theo chính sách; Hằng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình triển khai thực hiện.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh tốt nghiệp THPT học trình độ trung cấp, cao đẳng tại các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC
DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ HỖ TRỢ HỌC PHÍ
(Kèm theo Báo cáo số .../BC-UBND ngày .../.../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Tên nghề
I	Nhóm ngành, nghề: Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh
1	Logistic
2	Thương mại điện tử
II	Nhóm ngành, nghề: Kỹ thuật và công nghệ thông tin
1	Cắt gọt kim loại
2	Công nghệ ô tô
3	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)
4	Tin học ứng dụng
5	Quản trị mạng máy tính
6	Cơ điện tử
7	Điện Công nghiệp
8	Điện tử công nghiệp
9	Hàn
10	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
11	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh
12	Vận hành máy thi công nền
III	Nhóm ngành, nghề: Sản xuất, chế biến và xây dựng
1	Kỹ thuật chế biến món ăn
2	May thời trang
IV	Nhóm ngành, nghề: Sức khỏe
1	Dược
2	Điều dưỡng
V	Nhóm ngành, nghề: Dịch vụ, du lịch và môi trường
1	Hướng dẫn du lịch
2	Quản trị khách sạn